

CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 13.224/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần May thêu giày dép Wec Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Theo khung giá đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh thì chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2012 tại Quận Tân Phú ước tính là 2,7 tỷ đồng chưa được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của các năm tương ứng. Như vậy, nếu Công ty ghi nhận đầy đủ chi phí thuê đất nêu trên vào kết quả kinh doanh thì kết quả kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và năm 2012 sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May thêu giày dép Wec Sài Gòn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.830.655.947	13.748.903.156
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.720.691.565	13.042.589.533
1. Tiền	111		698.191.565	192.589.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.022.500.000	12.850.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.200.000.000	695.125.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.200.000.000	695.125.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		2.803.288.623	6.152.793
1. Phải thu khách hàng	131		6.152.793	6.152.793
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.797.135.830	
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		106.675.759	5.035.830
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.272.706	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.403.053	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			5.035.830

(phần tiếp theo trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.861.557.971	22.550.212.171
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		200.000	200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		200.000	200.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		4.702.521.307	958.384.470
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	4.702.521.307	13.384.470
+ Nguyên giá	222		5.157.155.244	783.817.755
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(454.633.937)	(770.433.285)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
+ Nguyên giá	228	5.5	1.716.848.073	1.716.848.073
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.716.848.073)	(1.716.848.073)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230			945.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	3.846.136.549	4.759.151.701
+ Nguyên giá	241		21.064.915.931	21.064.915.931
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.218.779.382)	(16.305.764.230)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	16.312.700.115	16.832.476.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.720.180.000	6.720.180.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.221.160.000	10.221.160.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(628.639.885)	(108.864.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.692.213.918	36.299.115.327

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.079.490.189	3.868.476.501
I. Nợ ngắn hạn	310		2.535.207.355	2.327.193.667
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		148.431.546	
3. Người mua trả tiền trước	313		332.319.700	306.747.870
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.8	511.796.141	529.389.508
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	5.9	673.581.520	380.075.520
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	396.462.529	915.168.165
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	472.615.919	195.812.604
II. Nợ dài hạn	330		1.544.282.834	1.541.282.834
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	1.544.282.834	1.541.282.834
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.612.723.729	32.430.638.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13.1	33.612.723.729	32.430.638.826
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13.2	24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.542.733.644	1.542.733.644
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.286.666.867	1.760.285.903
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13.4	5.783.323.218	5.127.619.279
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.692.213.918	36.299.115.327

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		214,30	214,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ KIM CHI

NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.726.106.518	6.668.463.697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	6.726.106.518	6.668.463.697
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.334.360.310	1.408.688.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.391.746.208	5.259.774.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.364.568.824	9.057.755.734
7. Chi phí tài chính	22	6.4	519.775.885	(355.648.000)
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3.182.038.611	2.825.498.165
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.054.500.536	11.847.680.372
11. Thu nhập khác	31		341.883.918	
12. Chi phí khác	32		140.240.163	
13. Lợi nhuận khác	40		201.643.755	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.256.144.291	11.847.680.372
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	972.821.073	1.320.061.093
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.283.323.218	10.527.619.279

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ KIM CHI

NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		7.243.938.158	4.504.936.897
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(144.650.492)	(340.200.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.680.894.110)	(1.584.694.959)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(947.458.839)	(1.809.470.974)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		980.787.472	4.781.285.723
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.939.581.677)	(3.254.235.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(4.487.859.488)	2.297.620.790
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(3.811.893.030)	(945.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(8.445.125.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			8.343.475.414
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.577.854.550	9.480.132.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.765.961.520	8.433.482.578
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.600.000.000)	(11.502.270.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.600.000.000)	(11.502.270.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(10.321.897.968)	(771.167.432)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	13.042.589.533	13.813.756.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	2.720.691.565	13.042.589.533

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ KIM CHI

NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG